TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DSST
Ngày: 29-11-2021
V/v "Tranh chấp về đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST – DS ngày 14-10-2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV NH.

Địa chỉ trụ sở: Số đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc).

Bà L có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Công ty TNHH MTV NH (viết tắt là Công ty NH) chuyên cung cấp bã bia cho các đại lý bán lẻ trong tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị L là đại lý bán lẻ nên có quan hệ mua bán bã bia với Công ty NH. Để có nguồn hàng ổn định và mua được bã bia của Công ty NH thì bà Nguyễn Thị L có nộp một khoản tiền để làm tin (đặt cược) cho Công ty NH nếu sau này Công ty NH không cung cấp bã bia thì bà Nguyễn Thị L sẽ nhận lại số tiền đặt cược. Vào ngày 25-6-2013 bà L đặt cược cho

Công ty NH số tiền 10.000.000 đồng nhưng Công ty NH cung cấp lượng hàng ít nên ngày 24-02-2014 bà L tiếp tục đặt cược cho Công ty NH số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã đặt cược cho Công ty NH là 20.000.000 đồng. Từ năm 2013 đến đầu năm 2016 bà L mua bã bia của Công ty NH và thanh toán tiền đầy đủ cho Công ty NH. Việc mua bán không ký kết hợp đồng, giữa hai bên chỉ có phiếu cân khi giao hàng, thanh toán trực tiếp và ghi thanh toán xong tại phiếu cân hàng. Cuối năm 2016 Công ty NH cắt hợp đồng với Nhà máy Bia Sài Gòn nên Công ty NH không cung cấp bã bia cho bà L nữa. Bà L đã nhiều lần yêu cầu Công ty NH hoàn trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông Nguyễn Xuân V, là người đại diện theo pháp luật của Công ty NH hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty NH hoàn trả lại cho bà số tiền là 20.000.000 đồng.

Tại văn bản đề ngày 06 tháng 7 năm 2021, bị đơn là Công ty NH do ông Nguyễn Xuân V là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Trong giai đoạn năm 2013 đến cuối năm 2015, Công ty NH có thực hiện việc mua bán với bà Nguyễn Thị L nhiều mặt hàng khác nhau như: bã bia, nước men bia... Trong quá trình mua bán, do nhu cầu hàng hóa rất cao nhưng nguồn cung từ nhà máy thấp, không đáp ứng được sản lượng cho người tiêu dùng nên để có được nguồn hàng sớm bà L đã thực hiện việc đặt cọc tiền mua bã bia cho Công ty NH với số tiền là 20.000.000 đồng (việc đặt cọc thực hiện thành 02 đợt, mỗi đợt 10.000.000 đồng vào các ngày 25-6-2013 và ngày 24-02-2014). Đối với các khoản thu từ bà L, Công ty NH đã lập phiếu thu và ghi rõ nội dung thu tiền là "ứng cọc/đặt cọc tiền mua bã bia". Trong quá trình mua bán, Công ty NH đã thực hiện giao hàng hóa đầy đủ và đã hoàn thành việc thanh quyết toán với bà L. Như vậy, việc bà L đề cập nội dung trong đơn khởi kiện *"...nộp vào Công ty một khoản tiền để làm niềm tin cho Công ty, nếu sau này Công ty không cung cấp bã bia thì chúng tôi sẽ được nhận lại số tiền nêu trên"* là hoàn toàn không chính xác. Công ty NH khẳng định số tiền Công ty thu vào nêu trên là tiền đặt cọc mua hàng đã được thanh quyết toán xong, Công ty NH không còn nợ bất kỳ khoản chi phí hay hàng hóa nào khác đối với bà L.

Đồng thời, căn cứ vào quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ việc nêu trên của bà L với Công ty NH hiện nay đã hết thời hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH MTV NH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L về việc đòi lại số tiền đã đặt cược cho bị đơn là Công ty NH, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L cung cấp thể hiện: Theo hai Phiếu thu lập ngày 25-6-2013 và ngày 24-02-2014 đều thể hiện, bà Nguyễn Thị L nộp số tiền là 10.000.000 đồng cho Công ty NH, nội dung là ứng cọc tiền mua bã bia. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị L đã nộp cho Công ty NH là 20.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L xác định đây là số tiền đặt cược để làm tin cho việc mua bán bã bia nên chưa được khấu trừ trong quá trình mua bán bã bia. Việc mua bán bã bia giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty NH đều thanh toán đầy đủ sau khi giao nhận hàng. Cụ thể, được thể hiện tại các Phiếu cân từ năm 2013 đến năm 2015 giữa Công ty NH và bà Nguyễn Thị L. Mặt khác, Công ty NH thừa nhận có nhận số tiền 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L và xác định đã thanh toán trong quá trình thực hiện mua bán nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thông báo cho bị đơn là Công ty NH giao nộp chứng cứ minh đã thanh toán số tiền đã nhận của bà L trong quá trình thực hiện mua bán nhưng Công ty NH không cung cấp nên phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ.

[2.2] Bị đơn trình bày thời hiệu khởi kiện đối với vụ việc của bà Nguyễn Thị L hiện nay đã hết, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "*Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện"*. Mặt khác, theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. Như vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đòi lại số tiền 20.000.000 đồng thuộc trường hợp không áp dụng thời kiệu.

Do đó, Buộc Công ty NH phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 20.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty NH phải chịu 1.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 155, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-

HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L: Buộc Công ty THHH MTV NH phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Công ty TNHH MTV NH phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa